

## UNIT 8. TOURISM

### PRONUNCIATION

1)

Practise the mini-talks, paying attention to the tone in the questions.

Act as...

B:

A:

1. A: Where would you like to go sightseeing? ↘

B: I'd like to go to Australia most of all.

2. A: What do you think of the newly discovered cave? ↘

B: Oh, fantastic.

3. A: Have you been sightseeing all day? ↗

B: Yeah. We've been to the old pagoda, the orchid garden, and the open-air market.

4. A: Is Egypt a famous tourist attraction? ↗

B: Yes. Millions of people go there every year.

- would like to do something [m.v] muốn làm gì đó

- sightsee/sightseeing [v/v3] tham quan

- go doing [v.p] đi để làm gì đó

- most of all = mostly [n.p] trên hết, nhất là, chủ yếu là

- newly [adv] mới

- discovered [adj] được khám phá ra

- go/gone [v/v3] đi

'been' được dùng để thay thế cho 'gone' khi ai đó đã đi đến đâu đó và đã trở về.

- Egypt [n] Ai Cập

- tourist [n] du khách, khách du lịch

- attraction(s) [n] địa điểm thu hút

Practise the conversation, paying attention to the tone in the questions.

Act as... Janet:

Martin:

Martin: What's the matter, Janet? ↘

Janet: I'm looking for my passport. It seems to be lost.

Martin: Have you already searched your purse? ↗

Janet: Not yet. Oh, where are my glasses? ↘

Martin: They may be in your plastic bag. Where is it? ↘

Janet: Oh, no, it's not here. Have I dropped it on the plane? ↗

Martin: Oh my God.

Janet: What should I do now? ↘

Martin: Let's report it to the customs officer.

- seem to be + V3 [v] có vẻ như bị.....
- search/searched [v/v3] tìm, tìm kiếm
- purse(s) [n] ví tiền (của phụ nữ)
- drop/dropped [v/v2] làm rơi, rơi
- report [v] báo cáo
- customs officer [n.p] nhân viên hải quan

Practise the conversation, paying attention to the tone in the questions.

Act as... Hillary:

Abe:

Abe: Today we're going to talk about travelling. Do you like to travel? ↗

Hillary: Yes, of course.

Abe: OK, what places have you visited? ↘

Hillary: I've been to some places in Europe and to New York, and now I'm here.

Abe: Wow, you've been all over. What have been your favourite places so far? ↗

Hillary: Venice in Italy, New York, and probably Tokyo too.

Abe: Wow! One in every continent. And do you take a lot of luggage when you travel? ↗

Hillary: Yeah, if I can. I mean, there are limits.

Abe: Sure. So how many suitcases did you have when you came to Tokyo? ↘

Hillary: Only one, but it's a big one! I think it can hold around 30 kilograms.

Abe: So where would you like to go next? ↘

Hillary: Oh, that's a difficult question. Somewhere in South America, maybe.

- all over [ɪ] ở mọi nơi, khắp nơi, khắp chốn
- so far [adv.p] cho tới nay
- probably [adv] có thể
- continent(s) [n] châu lục
- luggage [n] hành lý
- limit(s) [n] giới hạn, hạn định, ranh giới
- suitcase(s) [n] va-li
- one [pro.n]  
(thay thế cho 1 danh từ số ít và đã xác định)
- hold [v] chứa, giữ, nắm, tổ chức
- somewhere [adv] nơi nào đó
- South America [n] Nam Mỹ
- maybe [adv] có thể

Complete the conversation below with the questions from the box. Then practise the conversation with a partner.

how long do you plan to stay

How can I help you

Would you like a single room

Does that include everything

For bed and breakfast

Could you give your name and address

Act as... Mary:

Receptionist:

Receptionist: Grand Hotel. Good morning. (1) \_\_\_\_\_?

Mary: I'd like to book a room, please.

Receptionist: Certainly. And (2) \_\_\_\_\_?

Mary: Three days.

Receptionist: (3) \_\_\_\_\_?

Mary: Yes, please. I'll be on my own.

Receptionist: Very well. (4) \_\_\_\_\_?

Mary: Yes, it's Mary Smith, 30 Old Road, York. By the way, what do you charge for bed and breakfast?

Receptionist: (5) \_\_\_\_\_? It's \$35 a night.

Mary: (6) \_\_\_\_\_?

Receptionist: Yes, that's everything. There are no extra charges.

Mary: Oh, thank you.



- certainly [adv] tất nhiên, dĩ nhiên
- plan to do something [v] định làm gì đó
- single [adj] đơn, đơn độc, độc thân, chỉ có một
- own [pro.n] chính ai đó, bản thân ai đó
- be one's own một mình
- by the way [i] tiện thể, nhân tiện
- charge for something [v] tính giá cho cái gì đó
- include [v] bao gồm
- extra [adj] thêm, phụ, ngoại
- charge(s) [n] tiền phải trả

5)

Make a short conversation which includes a question to find out information that we don't already know, and another which includes a question to check the information. Then practise them with a partner.

Example:

A: Will there be a public holiday to mark the Death Anniversary of the Hung Kings this year?

B: Yes, sure.

6)

Find the word which has a different sound in the part underlined. Read the words aloud.

- |                       |                      |                      |                    |
|-----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| 1. A. <u>e</u> xplore | B. <u>e</u> xotic    | C. <u>e</u> rode     | D. <u>s</u> tew    |
| 2. A. <u>h</u> yphen  | B. <u>h</u> onest    | C. <u>h</u> elmet    | D. <u>h</u> eat    |
| 3. A. <u>s</u> afari  | B. <u>v</u> ersatile | C. <u>m</u> arinate  | D. <u>s</u> hallot |
| 4. A. <u>l</u> ush    | B. <u>m</u> ushroom  | C. <u>c</u> ube      | D. <u>b</u> rush   |
| 5. A. <u>h</u> oliday | B. <u>p</u> otato    | C. <u>p</u> otential | D. <u>p</u> romote |

7)

Find the word which has a different position of the main stress in each line.

- |                    |               |                |                 |
|--------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 1. A. checkout     | B. orchid     | C. decide      | D. mountain     |
| 2. A. touchdown    | B. package    | C. sightseeing | D. hotel        |
| 3. A. freedom      | B. enjoy      | C. discover    | D. arrange      |
| 4. A. confusion    | B. pyramid    | C. popular     | D. difference   |
| 5. A. breathtaking | B. affordable | C. imperial    | D. magnificence |